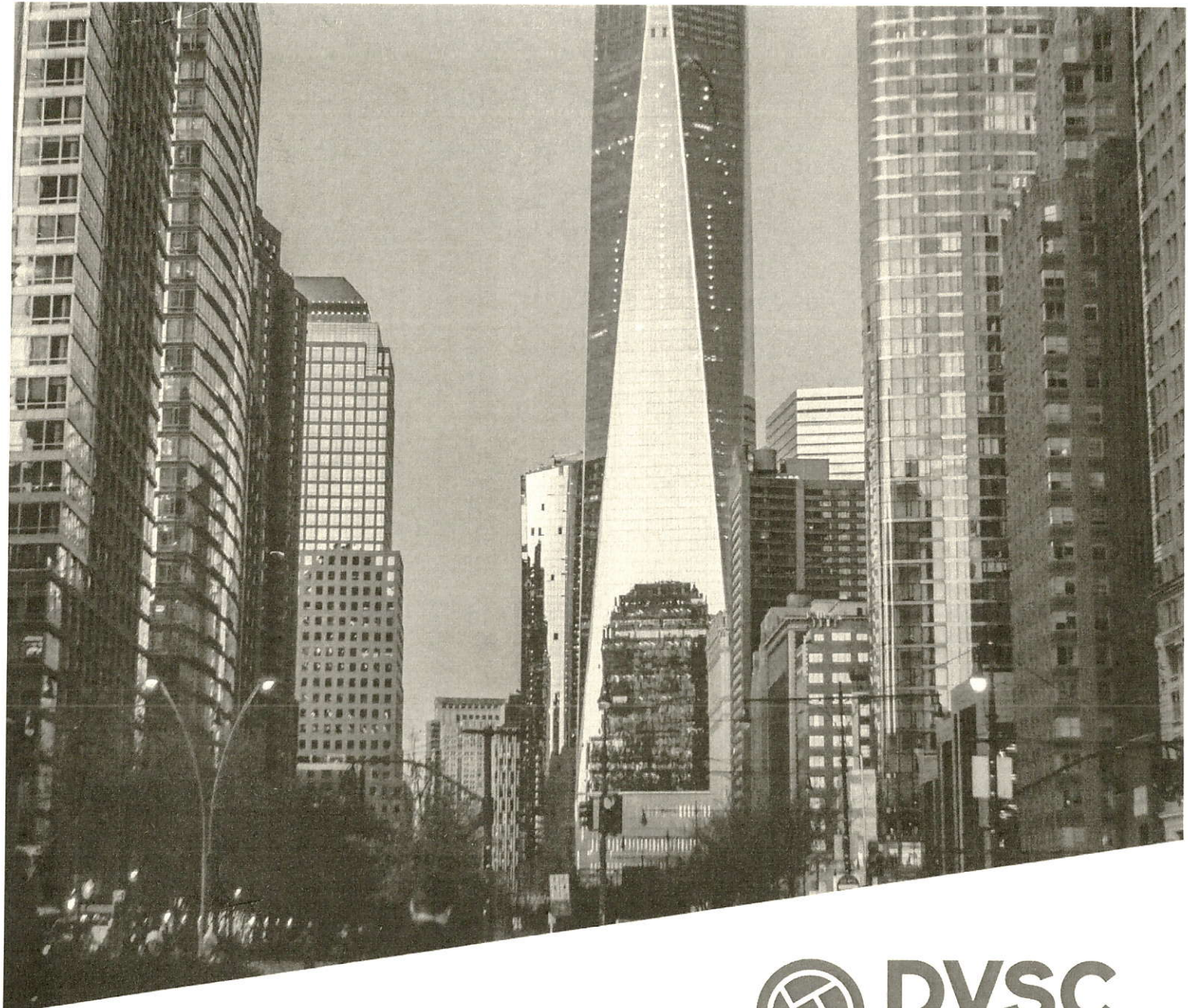
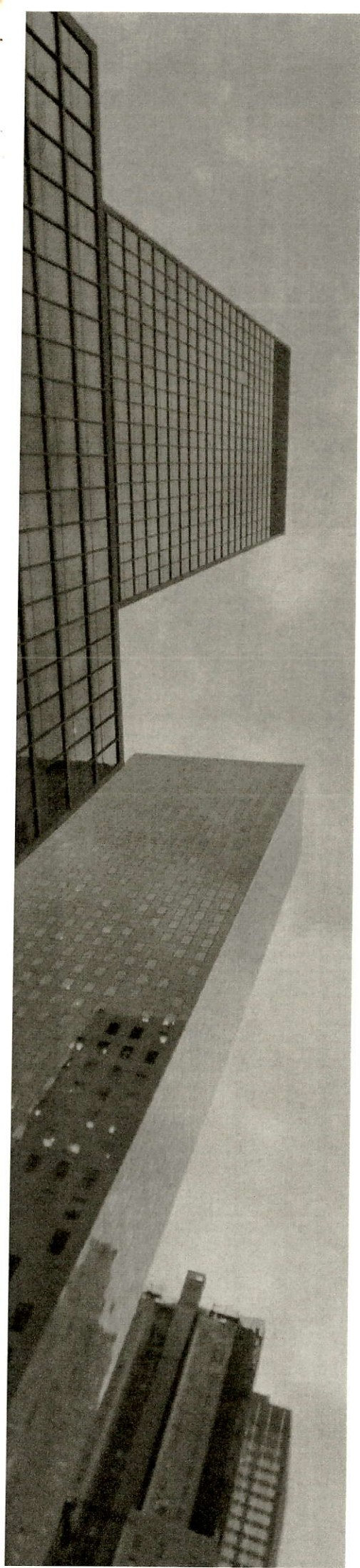




CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2025



MỤC LỤC

I.	LỜI MỞ ĐẦU	1
II.	TẦM NHÌN SỨ MỆNH	2
III.	PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG	2
IV.	GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	3
V.	HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO	7
VI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024	10
VII.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	19
VIII.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	22
IX.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
X.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	26



I. LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục quá trình phục hồi chậm và không đồng đều, liên tục được cải thiện về cuối năm. Nhiều rủi ro kéo dài với các chuỗi cung ứng và giá cả hàng hóa quốc tế, mặc dù mặt bằng lạm phát toàn cầu đã có những bước cải thiện đáng kể so với năm 2023. Nhiều nền kinh tế lớn đã bắt đầu quá trình cắt giảm lãi suất, giúp nới lỏng các điều kiện tài chính.

Việt Nam vẫn áp dụng chính sách nới lỏng để kích thích nền kinh tế, vì vậy trong năm 2024 Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (DVSC) đã không ngừng nỗ lực để phục hồi và tạo ra các giá trị từ dịch vụ tài chính - chứng khoán cho khách hàng.

Được thành lập từ tháng 6 năm 2006, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt có vốn điều lệ hiện tại là 250 tỷ đồng. Là một trong những công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam, DVSC luôn xác định con người là nhân tố trung tâm, là nguồn tài nguyên, tài sản quan trọng nhất tạo nên sự đổi mới và phát triển. DVSC tự hào có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, đạo đức và có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán. Bên cạnh đó, trong thời đại công nghệ số, DVSC chú trọng đầu tư công nghệ, cơ sở hạ tầng và hệ thống an toàn an ninh mạng.

Với sự ủng hộ tích cực của các cổ đông lớn là Ngân hàng VCB NEO, Tổng Công ty Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco), các đối tác chiến lược khác, cùng với lợi thế nền tảng khách hàng đã được kiến tạo trong suốt 19 năm hoạt động, năng lực quản trị và điều hành kinh doanh theo nguyên tắc minh bạch và theo chuẩn mực quốc tế, điều kiện tích hợp năng lực công nghệ trong các tổ chức hoạt động kinh doanh... DVSC tự tin trên nền móng vững chắc và sẵn sàng cho các cơ hội vươn lên tầm vóc mới trong năm 2025.

II. TẦM NHÌN SỨ MỆNH

SỨ MỆNH

Tối đa hoá lợi ích của các cổ đông và khách hàng.

TẦM NHÌN

Trở thành định chế tài chính uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

An toàn, đạo đức và xây dựng các mối quan hệ bền chặt.

MỤC TIÊU

Tăng năng lực tài chính, quản trị và không ngừng phát triển sản phẩm mới.

III. PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Cung cấp các dịch vụ có giá trị gia tăng và độ tin cậy cao

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hoá lợi ích của cổ đông

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

Trở thành lựa chọn hàng đầu trong lĩnh vực tài chính

IV. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



Tên gọi của Công ty:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt

Tên tiếng anh viết tắt:

DVSC

Trụ sở chính:

Lầu 6&7, 144-146-148 Lê Lai, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại:

(028) 7108.7252

Fax:

(028) 3925.1225

Website:

www.dvsc.com.vn

Email:

dvsc@dvsc.com.vn

Vốn điều lệ:

250.000.000.000 đồng

Giấy phép thành lập:

15/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà

Nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006

Mã số thuế:

0304407252

4.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 2006	* 16/06/2006: DVSC được thành lập, đặt trụ sở chính tại lầu 3, Tòa nhà Starview 63A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM và hoạt động với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 VND. * 28/06/2006: Chính thức đi vào hoạt động theo Giấy phép số 15/UBCK-GPHĐKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước. * 28/09/2006: Trở thành Thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). * 05/12/2006: Trở thành Thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). * 19/12/2006: DVSC tăng vốn điều lệ lên 44.000.000.000 VND.
Năm 2007	* 05/02/2007: Chuyển trụ sở về Lầu 2&4 Tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. * 02/04/2007: DVSC tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 VND và thực hiện 04 nghiệp vụ chính: Môi giới chứng khoán, Tư vấn và đầu tư chứng khoán, và Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành.
Năm 2008	* 04/04/2008: Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho DVSC thành lập chi nhánh Hà Nội tại 18 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội. Đây là cột mốc đánh dấu sự mở rộng kinh doanh của DVSC ra các tỉnh phía Bắc.
Năm 2009	* 20/03/2009: DVSC đăng ký và được phép rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán
Năm 2010	* 24/02/2010: Ủy ban chứng khoán chấp thuận cho DVSC dời chi nhánh Hà Nội về 96 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo quyết định số 130/QĐ-UBCK.
Năm 2011	* 24/08/2011: Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho DVSC chuyển trụ sở chính về 46-48 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 49/QĐ-UBCK ngày 24/08/2011.
Năm 2014	* 31/10/2014: Ủy Ban Chứng khoán chấp thuận cho DVSC đóng cửa chi nhánh Công ty tại Hà Nội.
Năm 2016	* Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho DVSC chuyển trụ sở chính về 242 Cống Quỳnh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 09/08/2016.
Năm 2018	* Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho DVSC chuyển trụ sở chính về 144-146-148 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quyết định số 55/GPĐC-UBCK ngày 02/08/2018.
Năm 2023	* Ủy ban Chứng khoán chấp thuận thành lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội theo quyết định số 679/QĐ-UBCK ngày 14/08/2023.

4.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (DVSC) là một trong những tổ chức tài chính tiên phong và uy tín tại thị trường Việt Nam. Với những định hướng chiến lược rõ ràng và dài hạn, DVSC đã đạt được những thành tựu nhất định trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. DVSC được cấp phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán gồm: Môi giới chứng khoán, Tư vấn và đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán.

♦ Môi giới chứng khoán

Với cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và không ngừng được nâng cấp, cùng với đội ngũ nhân viên môi giới chuyên nghiệp, DVSC luôn tự hào mang đến dịch vụ môi giới có chất lượng cao cho tất cả các đối tượng khách hàng, cá nhân cũng như tổ chức trong và ngoài nước, trong tất cả các khâu như mở tài khoản giao dịch, môi giới, tư vấn giao dịch, thực hiện lệnh, thanh toán tiền, lưu ký chứng khoán, sao kê tài khoản và tra cứu dữ liệu giao dịch trong quá khứ, hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết...

DVSC kết nối thông sàn với HOSE và HNX từ rất sớm. Hiện nay tại DVSC, khách hàng có thể đặt lệnh trực tuyến một cách nhanh chóng và hiệu quả trên nền tảng công nghệ và quy trình an toàn, bảo mật tuyệt đối. Trước nhu cầu giao dịch trực tuyến ngày càng gia tăng, DVSC đặc biệt chú trọng đến việc nâng cấp thiết bị công nghệ, thiết kế các sản phẩm và đưa ra các giải pháp mới nhằm giúp khách hàng giao dịch an toàn và hiệu quả hơn.

♦ Tư vấn và đầu tư chứng khoán

Đối với hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, dựa trên nhu cầu của khách hàng, DVSC tiến hành thu thập và phân tích các thông tin về năng lực tài chính, nghề nghiệp, độ tuổi, khả năng chấp nhận rủi ro và kỳ vọng về lợi nhuận để đưa ra những giải pháp đầu tư phù hợp và có chất lượng cao, bao gồm:

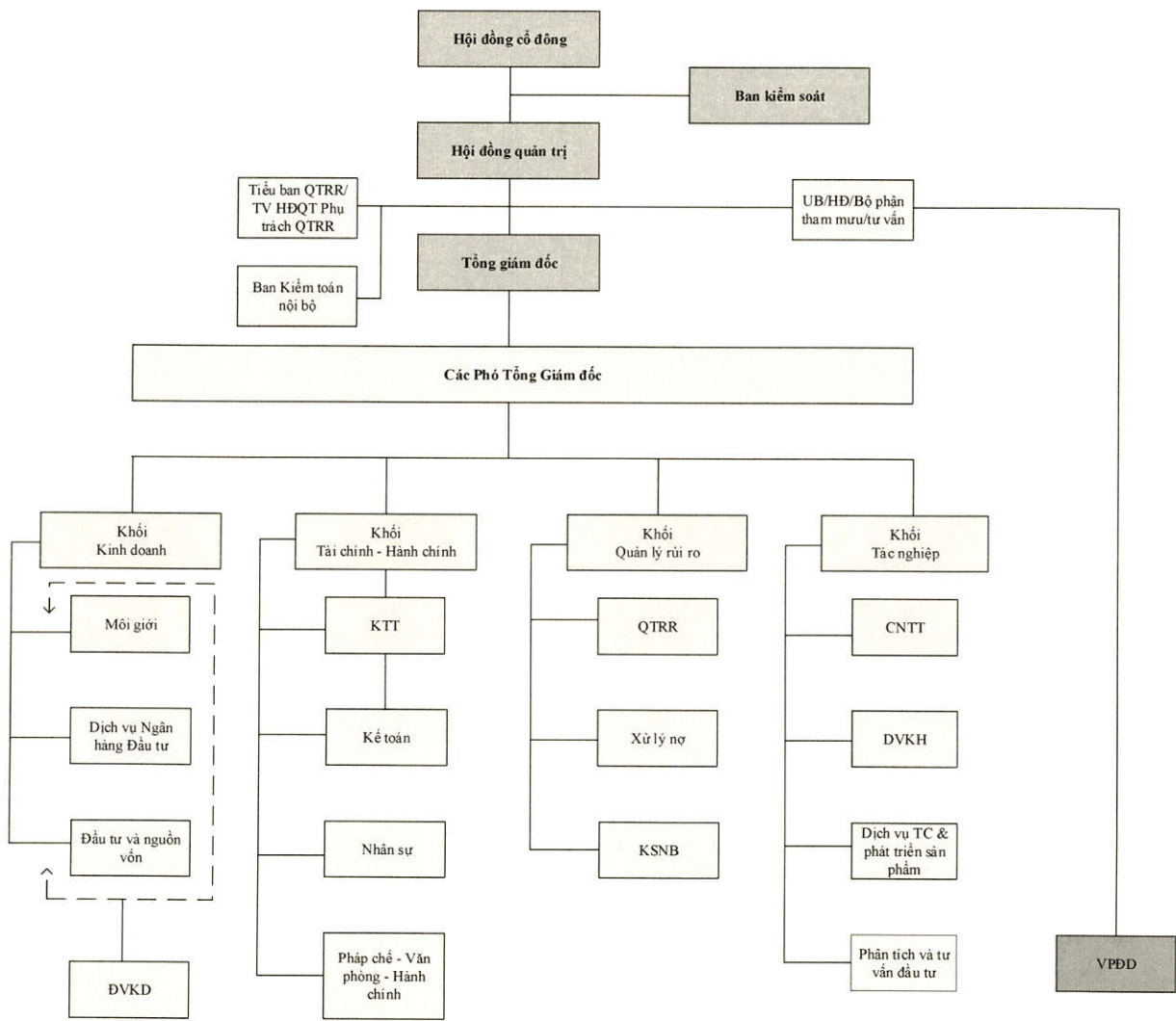
- Tư vấn xác định chiến lược đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn lựa chọn chứng khoán, tái cấu trúc và quản lý danh mục đầu tư;
- Lựa chọn thời điểm và cơ cấu vốn đầu tư thích hợp;
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư hiệu quả nhất;
- Hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư.

Sản phẩm của dịch vụ tư vấn đầu tư là các báo cáo: Khuyến nghị đầu tư; Nhận định thị trường hàng ngày; Phân tích kỹ thuật.

♦ Tự doanh chứng khoán

Hoạt động tự doanh chứng khoán là một trong những hoạt động kinh doanh mũi nhọn của Công ty. Với chiến lược đầu tư an toàn, linh hoạt và hiệu quả, danh mục đầu tư tự doanh tập trung vào các mã cổ phiếu có vị thế đầu ngành, có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh hiệu quả và khả năng tăng trưởng dài hạn.

4.3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

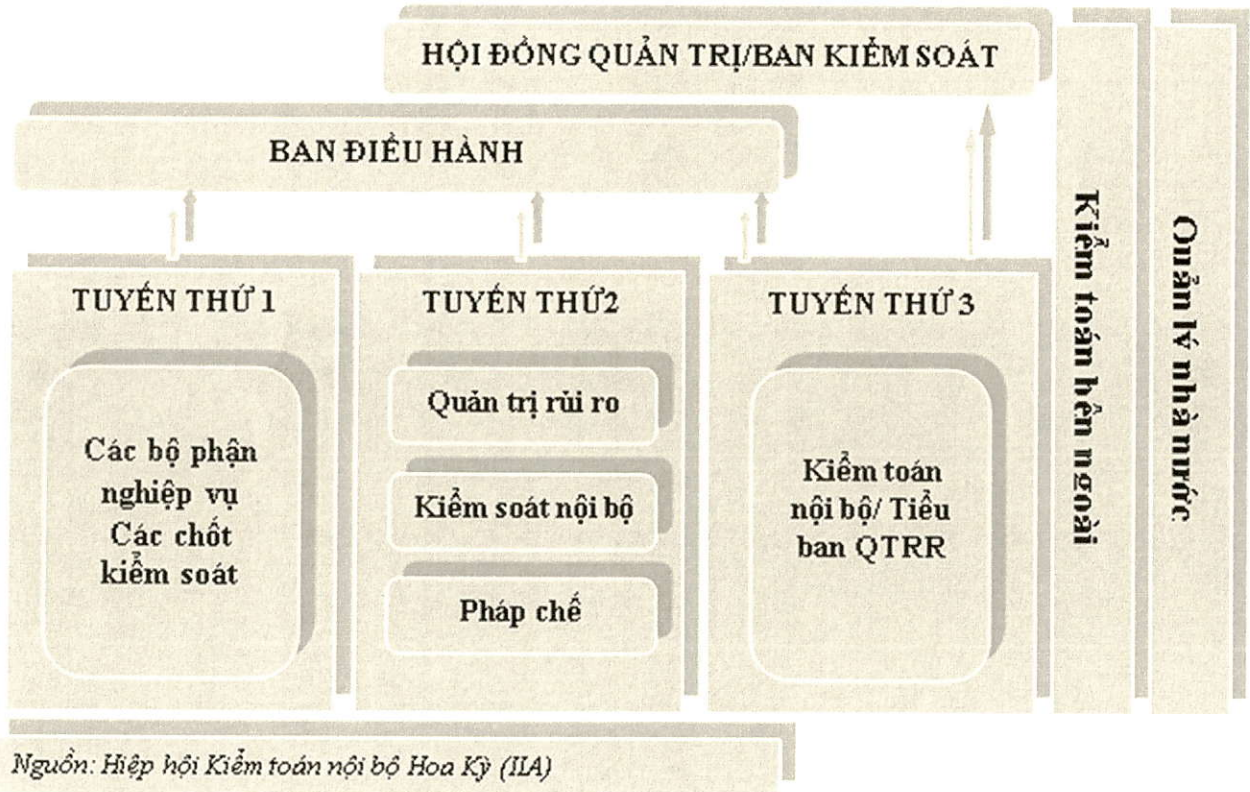


4.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tái cấu trúc toàn diện, nâng cao năng lực tài chính, đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, nghiên cứu và phát triển công nghệ AI cho chứng khoán; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách mới để giữ chân và thu hút nhân tài; phát triển sản phẩm mới với mục tiêu trở thành định chế tài chính lớn và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng và tối đa hoá lợi ích của cổ đông.

V. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

DVSC đã triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro đảm bảo phù hợp về chức năng và nhân sự đảm trách, bao gồm các thành phần như sau:



5.1. XÁC ĐỊNH RỦI RO

DVSC xác định rủi ro thông qua các phương pháp:

- Xây dựng các giả định để lường trước rủi ro có khả năng xảy ra và tác động của rủi ro đó đến hoạt động của Công ty;
- Xây dựng quy trình hoạt động cho từng nghiệp vụ/dịch vụ và đưa vào vận hành; cập nhật và điều chỉnh định kỳ nhằm đảm bảo tuân thủ đối với các quy định pháp lý, các tình huống rủi ro trên thị trường;
- Giám sát và theo dõi thường xuyên các hoạt động hàng ngày và phân tích các rủi ro có thể xảy ra.

5.2. ĐÁNH GIÁ RỦI RO

DVSC có thể sử dụng phương pháp định tính và/hoặc định lượng phù hợp với rủi ro mà DVSC phải đối mặt, dựa trên mức độ rủi ro, các rủi ro sẽ được xếp hạng theo thứ tự ưu tiên giảm dần.

5.3. XỬ LÝ RỦI RO

a. Nguyên tắc xử lý rủi ro:

- Tìm hiểu nguyên nhân sự cố;
- Lựa chọn và xây dựng phương án xử lý, trong đó quy định trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, hoạch định ngân sách và thủ tục đánh giá;
- Phân tích và đánh giá ưu nhược điểm của mỗi phương án xử lý;
- Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn;
- Rút kinh nghiệm để tránh lặp lại sự cố rủi ro (thủ tục có tính lặp lại liên tục).

b. Các biện pháp xử lý cơ bản:

- Tránh rủi ro: không/tránh thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể gây ra rủi ro đang xử lý;
- Giảm thiểu rủi ro: áp dụng các biện pháp để làm giảm tác động hoặc khả năng xảy ra rủi ro hoặc cả hai;
- Chia sẻ rủi ro: chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác;
- Chấp nhận rủi ro: không có biện pháp để thay đổi xác suất và tác động của rủi ro.

5.4. CÁC RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA DVSC

a. Rủi ro thị trường

Các hoạt động kinh doanh cơ bản của DVSC liên quan đến rủi ro thị trường là đầu tư tiền gửi, các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá, đầu tư vào trái phiếu, cổ phiếu (bao gồm cả hoạt động tự doanh chứng khoán).

Doanh thu từ các loại hoạt động này bị ảnh hưởng bởi các biến động trong giá cả hàng hóa, lãi suất và giá cổ phiếu, tình hình thị trường hoặc có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ và những quy định pháp lý khác...khi giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu so với kế hoạch thậm chí lỗ trên danh mục đầu tư.

Để giảm thiểu rủi ro này DVSC phải thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách chặt chẽ và mang tính phối hợp từ việc nhận định, dự báo thị trường, theo dõi, đánh giá danh mục đầu tư đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi DVSC mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản thị trường.

Năm 2024, DVSC vẫn tiếp tục đảm bảo an toàn tuyệt đối về quản lý thanh toán, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn duy trì ở mức trung bình tháng 430%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ theo quy định của pháp luật là 180%.

DVSC có được tỷ lệ này là nhờ quá trình quản lý dòng tiền mặt một cách chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng quản trị rủi ro thanh khoản một cách đặc biệt và chặt chẽ.

c. Rủi ro hoạt động

Các hoạt động liên quan đến rủi ro hoạt động tại DVSC bao gồm: các rủi ro quản trị nguồn nhân lực, rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin, rủi ro do lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, rủi ro về quy trình nghiệp vụ, rủi ro tuân thủ các quy trình, quy chế...

d. Rủi ro quản trị nguồn nhân lực

Luôn ý thức được nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng nhất, là nhân tố tạo ra sự khác biệt của Công ty, DVSC tiếp tục chú trọng việc phát triển và quản lý nguồn nhân lực một cách toàn diện.

Cùng với những chuyển biến của nền kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, quản trị nhân sự của DVSC tiếp tục đối mặt với những khó khăn và thách thức.

e. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin

Tính ổn định của hệ thống là tiêu chí hàng đầu của DVSC. Năm 2023, Công ty đã đánh giá lại toàn bộ hệ thống, trong đó tập trung vào việc bảo vệ, hỗ trợ các hệ thống trước các rủi ro có thể xảy ra: Lỗi kỹ thuật phát sinh từ phần cứng, phần mềm đang sử dụng; Sự cố đường truyền kết nối, nguy cơ bị tấn công, truy cập vào hệ thống phần mềm; thông tin bị rò rỉ ra bên ngoài; vấn đề bản quyền phần mềm...

Để giảm thiểu rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin, DVSC đã áp dụng các biện pháp:

- Kiểm soát việc truy cập thông tin trong nội bộ để đảm bảo mỗi nhân viên chỉ được truy cập dữ liệu đúng với vai trò và quyền hạn của mình;
- Rà soát các quy định và quy trình của Phòng Công nghệ thông tin;
- Kiểm tra và đánh giá lại toàn bộ hệ thống nhằm phát hiện và bịt kín các lỗ hổng để đảm bảo an toàn trước các cuộc tấn công mạng...

f. Rủi ro tuân thủ và lỗi của con người trong quá trình tác nghiệp

Rủi ro tuân thủ mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp Công ty, nhân viên Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại điều lệ Công ty, vi phạm các quy định nội bộ, vi phạm các quy trình, quy chế kể cả các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Phòng ngừa và hạn chế rủi ro tuân thủ và lỗi của con người trong quá trình tác nghiệp được DVSC xem là công tác quan trọng. Một số biện pháp được Công ty sử dụng như:

- Xây dựng và vận hành các quy trình có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận, cá nhân để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế lạm quyền và phát hiện sớm các sai phạm, sai sót có thể xảy ra;
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên thông qua việc tuyên truyền, đào tạo;

- Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ...

g. **Rủi ro pháp lý**

Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty do quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc phát sinh tranh chấp, kiện cáo trong hoạt động thường ngày.

5.5. **TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH 2024 CỦA DVSC**

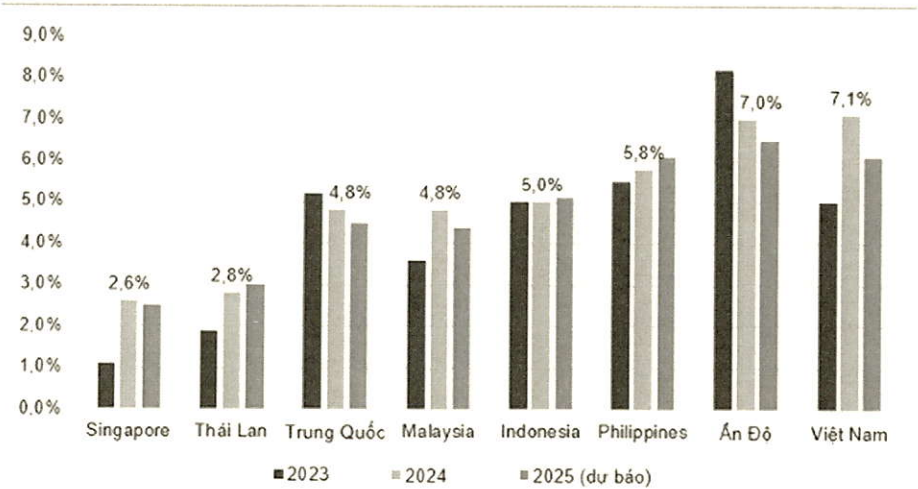
Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tỷ lệ	352%	353%	418%	319%	354%	357%	565%	476%	480%	479%	476%	548%

VI. **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024**

6.1. **MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2024**

6.1.1. **Việt Nam đạt tăng trưởng top đầu Châu á:**

Tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,1% năm 2024, vượt xa dự báo của các tổ chức trong nước và quốc tế, đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất châu Á.

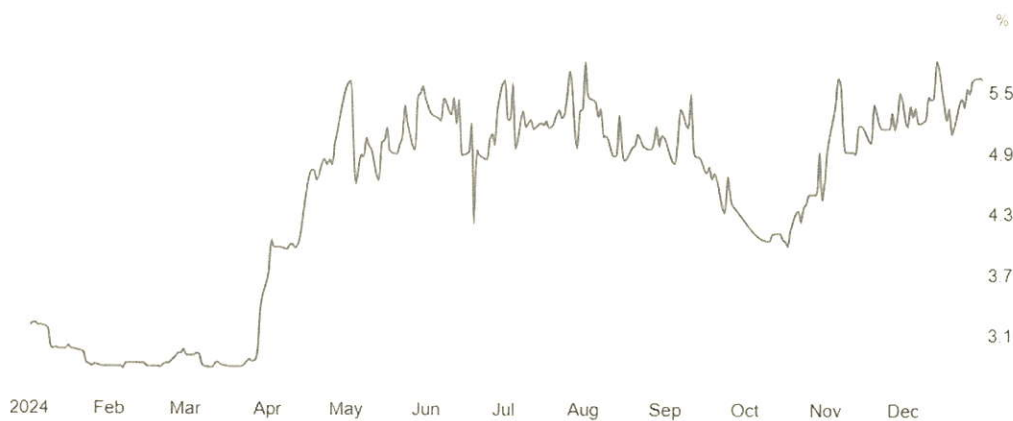


Tăng trưởng GDP của Việt Nam và các nước Châu Á.
Nguồn TTCK

Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ vào năm 2024 nhờ: tăng trưởng sản xuất mạnh mẽ từ mức thấp vào năm 2023; kim ngạch xuất khẩu tăng 14% sau khi giảm gần 5% vào năm 2023; lượng khách quốc tế tăng gần 40%, hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phục hồi tiêu dùng trong nước và vốn giải ngân FDI kỷ lục (+9,4% svck).

6.1.2. **Tình hình lạm phát, lãi suất và tỷ giá**

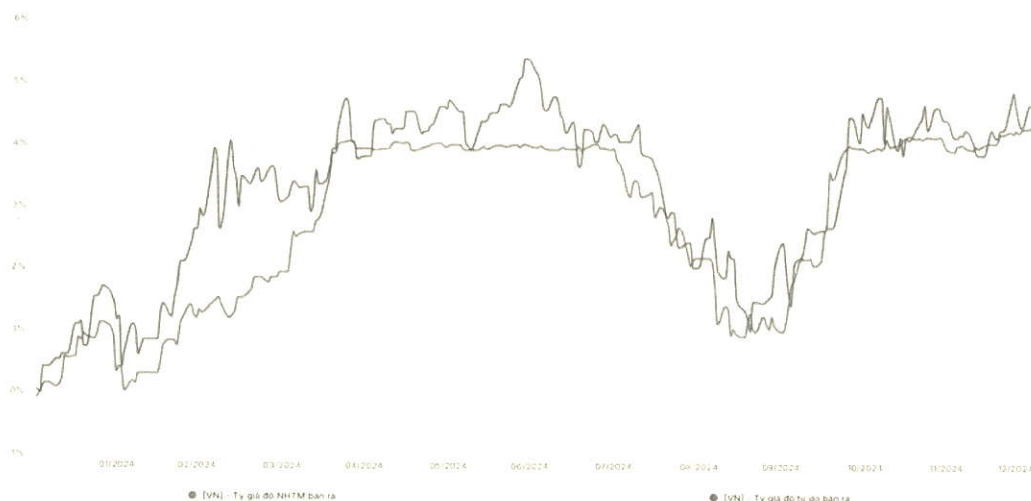
Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, nằm trong mục tiêu của chính phủ, điều này tạo điều kiện cho NHNN điều hành chính sách lãi suất hỗ trợ nền kinh tế.



Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 3 tháng. Nguồn: SBV

Mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng vào 4 tháng đầu năm nhưng sau đó đã duy trì ổn định. Trong năm 2024, NHNN tương đối thành công với chính sách tiền tệ linh hoạt, nới lỏng có kiểm soát vừa hỗ trợ tăng trưởng, vừa kiềm chế lạm phát.

Mặc dù vậy, áp lực tỷ giá nửa đầu năm đến từ việc Fed quyết định hạ lãi suất chậm hơn dự kiến đã khiến NHNN phải can thiệp bán ~6,0 tỷ USD ngoại tệ dự trữ. Sau đó, việc Fed cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản trong Q3/24 và chuyển sang quan điểm chính sách trung lập hơn ban đầu đã hỗ trợ đồng VND tăng giá

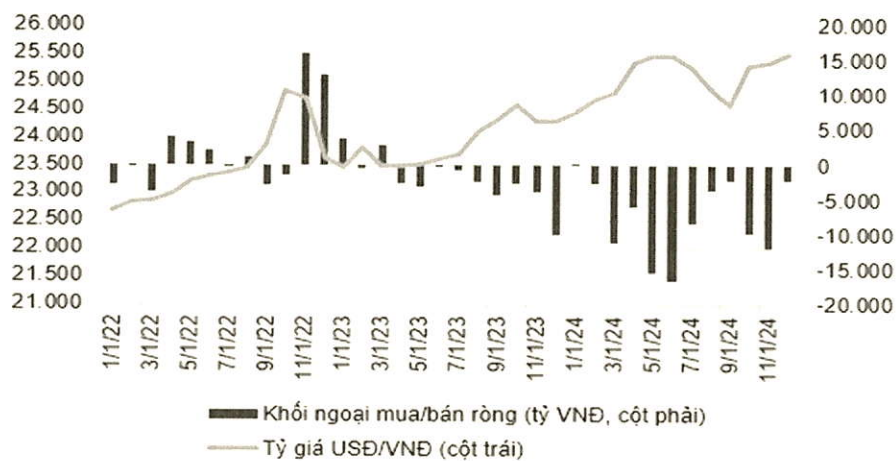


Mức tăng của tỷ giá trong năm 2024.
Nguồn: Vneconomy

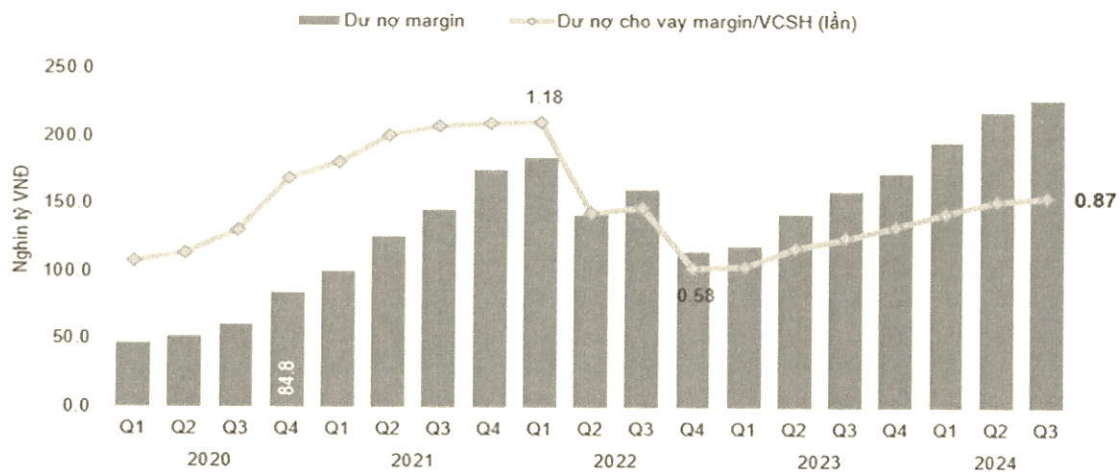
Tuy nhiên, áp lực tỷ giá leo thang trở lại vào cuối tháng 10 khi Trump chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2024. Kết năm 2024, đồng VND mất giá gần 5%, và NHNN phải bán thêm ~2,6 tỷ USD dự trữ ngoại hối chỉ trong tháng 12

6.1.3. Thị trường chứng khoán

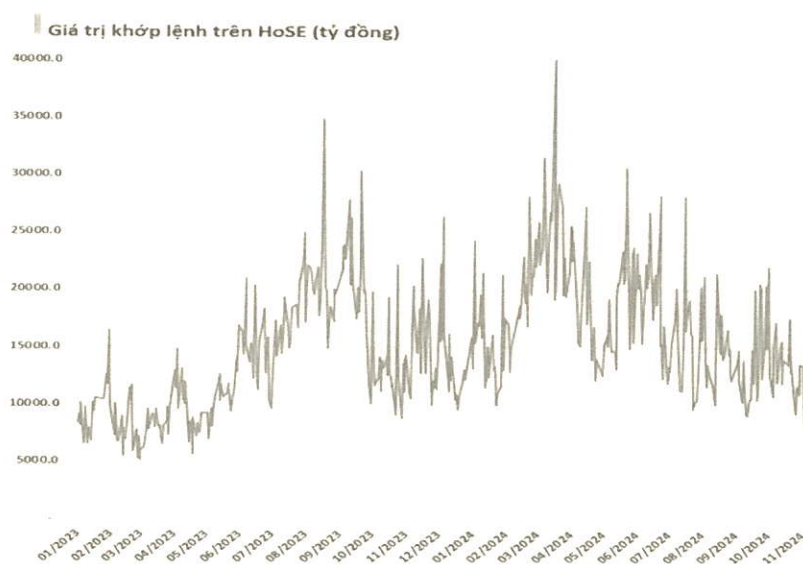
Điểm nhấn của TTCK năm 2024 là việc khối nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng kỷ lục.



Khối ngoại bán ròng trong hầu hết năm 2024, ngoại trừ tháng 1, trong đó tháng 6 chứng kiến dòng vốn ngoại rời khỏi thị trường lớn nhất. Tính chung cả năm 2024, khối ngoại đã bán ròng hơn 90 nghìn tỷ đồng (~ 3,5 tỷ USD).

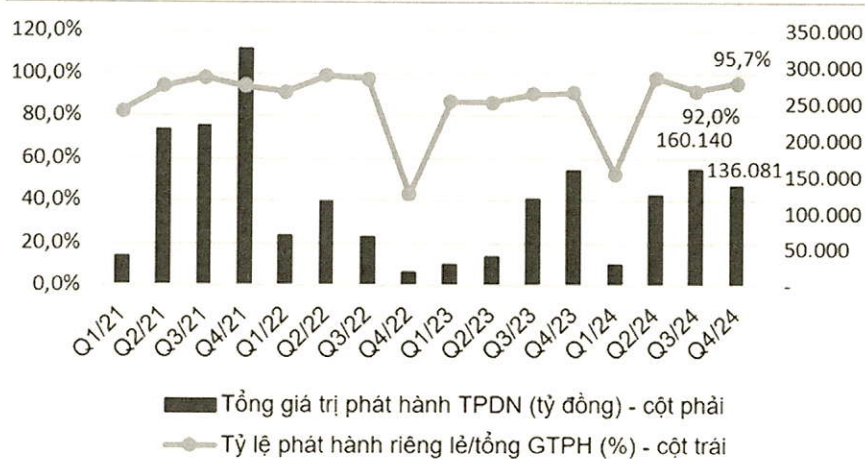


Dư nợ margin trên 70 công ty chứng khoán theo dõi ước tính hơn 235 nghìn tỷ đồng trong quý 3.2024. Đây là mức margin kỷ lục trên TTCK. Mặc dù dư nợ tăng cao, nhưng tỷ lệ dư nợ/VCSH của các Công ty chứng khoán chỉ là 0,87 lần, thấp hơn so với giai đoạn 2022. Điều này cho thấy các Công ty Chứng khoán đã có sự tăng vốn mạnh để chuẩn bị cho nhu cầu của thị trường trong giai đoạn tiếp theo. Cũng đồng nghĩa với việc, cạnh tranh cho vay margin giữa các công ty chứng khoán cũng ngày càng quyết liệt không kém gì cạnh tranh giành thị phần hiện nay.



Mặc dù dư nợ margin tăng cao kỳ lục, nhưng thanh khoản lại sụt giảm mạnh vào cuối năm 2024. Giá trị giao dịch trên HOSE chỉ tương đương với giai đoạn quý 1.2023. Cho thấy xu hướng nhà đầu tư tăng cường thế chấp cổ phiếu để vay rút tiền hơn là tham gia thị trường tìm kiếm lợi nhuận.

Hoạt động phát hành TPDN tiếp tục phục hồi trong năm 2024 nhờ sự gia tăng phát hành của nhóm Ngân hàng.



Theo số liệu được công bố đến ngày 29/12/24, trong năm 2024 có hơn 450 đợt phát hành TPDN thành công với tổng giá trị phát hành đạt hơn 448.000 tỷ đồng, tăng 29% svck. Trong đó, tổng giá trị TPDN phát hành riêng lẻ đạt hơn 413.000 tỷ đồng, tăng 32,3% svck. Tổng giá trị TPDN phát hành ra công chúng đạt 34.900 tỷ đồng, giảm 0,6% svck. Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ở lĩnh vực bất động sản, nhiều tổ chức phát hành đã thương lượng gia hạn thêm kỳ hạn trái phiếu với các trái chủ trong năm 2024.

6.2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DVSC

ĐVT: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	% thay đổi
I	Tổng Doanh thu	39.330.142.432	53.425.023.382	-26%
II	Tổng chi phí	28.501.879.762	45.764.407.442	-38%
III	Lợi nhuận	10.828.262.670	7.660.615.940	41%

Trong bối cảnh đầy biến động của kinh tế - chính trị và thị trường tài chính toàn cầu và trong nước năm 2024 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó, Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là Đầu tư và Nguồn vốn. Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận mặc dù doanh thu thực hiện chưa đạt được như mục tiêu đã đặt ra.

Kết quả năm 2024 ghi nhận: Tổng doanh thu năm 2024 đạt 39,3 tỷ đồng giảm 26% so với thực hiện năm 2023. Chi phí năm 2024 giảm 38% so với thực hiện năm 2023. Lợi nhuận năm 2024 tăng 41% so với thực hiện năm 2023.

Kết quả kinh doanh 2024 của DVSC có lẽ có thể xem là nỗ lực rất lớn của tập thể CBNV Công ty.

6.3. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

❖ Danh sách Ban điều hành

✓ Ông Hồ Đức Toàn – Tổng Giám đốc

Ông Hồ Đức Toàn được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc vào ngày 10/3/2025.

Ông Hồ Đức Toàn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Griggs (Hoa Kỳ). Ông là chuyên gia giàu kinh nghiệm với hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và đầu tư.

Trước khi trở thành Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Đại Việt, ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Giám đốc Đầu tư Tài chính, Giám đốc Tài chính tại Tập đoàn Danh Khôi; Phụ trách Phân phối Sản phẩm Tài chính tại Tập đoàn Novaland; Giám đốc Chi nhánh tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank; Cố vấn Hội đồng Quản trị Công ty Chứng khoán Đại Việt; cùng nhiều chức vụ quản lý tại các công ty chứng khoán khác.

Ông Toàn đồng thời là nhà sáng lập Công ty Cổ phần Tư vấn Iconnect, thành viên Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) - trực thuộc mạng lưới

Viện Thành viên Hội đồng Quản trị toàn cầu (GNDI), và thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Danh Khôi.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại DVSC: 0%

✓ **Bà Nguyễn Thị Hà – Phó Tổng Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Hà gia nhập DVSC và được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 12/01/2024.

Trước khi gia nhập DVSC, Bà Hà đã công tác tại Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư của Công ty Chứng khoán Tân Việt (TVSI) từ năm 2008 và giữ vai trò Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 tại TVSI. Ngoài ra trước đó, Bà còn giữ chức danh quản lý ở một số Công ty khác.

Bà Hà có bằng cử nhân Kế toán Tài chính, Chứng chỉ Quản lý Quỹ và Chứng chỉ Chứng khoán phái sinh do UBCKNN cấp.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại DVSC: 0%

✓ **Bà Đỗ Thị Mỹ Linh – Kế toán trưởng**

Bà Đỗ Thị Mỹ Linh được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng vào ngày 02 tháng 6 năm 2022. Trước đó, Bà Linh được bổ nhiệm Phó phòng phụ trách kế toán vào ngày 02/01/2017, trước đó là kế toán tổng hợp của DVSC.

Bà Linh có bằng cấp cử nhân, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán, chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại DVSC: 0%

❖ **Những thay đổi trong Ban điều hành**

Trong năm 2024, Ban điều hành có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- Ngày 15/01/2024, Công ty miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Thế Cẩm Hoàn theo đơn từ nhiệm.

- Ngày 19/4/2024, Công ty miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Bà Nguyễn Thị Thùy Dương theo đơn từ nhiệm.

- Ngày 11/9/2024, Công ty miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Diệp Trí Minh theo đơn từ nhiệm.

- Ngày 06/12/2024 Bà Nguyễn Thị Hà được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.

- Ngày 10/3/2025, Công ty miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Bà Nguyễn Thị Hà theo đơn từ nhiệm và tái bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Bà Hà, đồng thời bổ nhiệm Ông Hồ Đức Toàn giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng khoán Đại Việt.

❖ **Cán bộ nhân viên**

Tổng số nhân viên và lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 32 người (năm 2023 là 33 người).

6.4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tóm tắt một số chỉ tiêu cơ bản

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	249.169.805.834	236.109.688.137	5,53%
Doanh thu thuần	38.957.363.697	53.122.225.782	-26,66%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.935.537.185	7.357.818.340	48,62%
Lợi nhuận khác	-107,274,515	302.797.600	23,11%
Lợi nhuận trước thuế	10.828.262.670	7.660.615.940	41,35%
Lợi nhuận sau thuế	10.828.262.670	7.660.615.940	41,35%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	51,15	162,24
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh		
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	51,15	162,24
Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,014	0,006
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,015	0,006
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
+ Vòng quay tổng tài sản	0,16	0,23
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	27,8%	14,42%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,41%	3,26%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,35%	3,24%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	28,07%	13,85%

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án.

Trong năm 2024, Công ty có khoản đầu tư vào Chứng chỉ tiền gửi 30 tỷ đồng, đầu tư vào trái phiếu của các tổ chức tín dụng 96 tỷ đồng.

6.5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty có vốn điều lệ là 250 tỷ đồng, tương ứng với 25 triệu cổ phần được nắm giữ bởi 581 cổ đông. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
Cá nhân	18.518.850	74,07%	92.000	0,37%	18.610.850	74,44%
Tổ chức	6.389.150	25,56%	0	0	6.389.150	25,56%
Tổng cộng	24.908.000	99,63%	92.000	0,37%	25.000.000	100%

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
CĐ nắm giữ trên 5%	16.216.651	64,87%	0	0	16.216.651	64,87%
CĐ nắm giữ 1% -5%	3.980.901	15,92%	0	0	3.980.901	15,92%
CĐ nắm giữ dưới 1%	4.710.448	18,84%	92.000	0,37%	4.802.448	19,21%
Tổng cộng	24.908.000	99,63%	92.000	0,37%	25.000.000	100%

- a) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
+ Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: Không có

+ Liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không có

b) Các chứng khoán khác: Không có

+ Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: Không có

+ Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có.

6.6. CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Mục đích chính sách nhân sự:

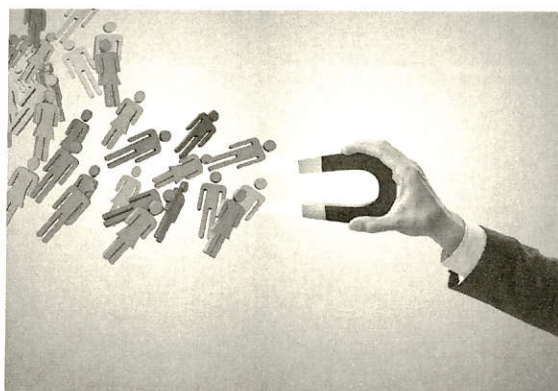
- Tạo điều kiện cho CBNV được làm việc tốt nhất, được phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Tạo nên môi trường làm việc dựa trên tinh thần đạo đức, trung thực.
- Đảm bảo trình độ chuyên môn trong công việc cũng như tác phong làm việc.
- Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, đoàn kết.

Nhân sự Công ty:

- Số lượng: 32 người (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024)
- Mức lương bình quân: 19,8 triệu đồng/tháng

Nguyên tắc xây dựng:

- Chế độ làm việc: Công ty luôn tuân thủ quy định về pháp luật lao động, như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.
- Về tiền lương: BĐH đã xây dựng và trình HĐQT ban hành quy chế lương nhằm đáp ứng cơ cấu tổ chức của công ty, chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Về Bảo hiểm: Toàn bộ các nhân viên được Công ty ký kết hợp đồng lao động chính thức đều được hưởng đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.
- Chính sách đào tạo: Công ty luôn khuyến khích và hỗ trợ CBNV đào tạo chuyên môn, nâng cao trình độ, nghiệp vụ để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



VII. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7.1 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của DVSC đã hoàn thành vượt kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận. Trong năm 2024 do có một số yếu tố chưa thuận lợi nên việc mở rộng hoạt động về môi giới, cho vay ký quỹ và dịch vụ ngân hàng đầu tư chưa thực hiện được, do đó doanh thu từ những hoạt động này không hoàn thành kế hoạch đặt ra. Tuy nhiên, hoạt động Đầu tư và Nguồn vốn năm 2024 khởi sắc, đem lại hiệu quả cao, giúp Công ty đạt được mục tiêu về lợi nhuận.

7.2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện		Thay đổi	
	Năm 2024	Năm 2023	Giá trị	%
Tài sản ngắn hạn	183.628.960.523	220.342.644.935	(36.713.684.412)	-17%
Tài sản dài hạn	65.540.845.311	15.767.043.202	49.773.802.109	316%
Tổng Tài sản	249.169.805.834	236.109.688.137	13.060.117.697	6%
Nợ phải trả	3.590.004.197	1.358.149.170	2.231.855.027	164%
Vốn chủ sở hữu	245.579.801.637	234.751.538.967	10.828.262.670	5%
Tổng nguồn vốn	249.169.805.834	236.109.688.137	13.060.117.697	6%

Chỉ tiêu	Thực hiện		Thay đổi
	Năm 2024	Năm 2023	
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	74%	93%	-21%
Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	26%	7%	294%
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	1,4%	0,6%	150%
Vốn chủ sở hữu/Tổng Nguồn vốn	98,6%	99,4%	-1%
Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn	21%	24%	-12%
Doanh thu thuần/Tài sản dài hạn	59%	336%	-82%

a) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2024, Công ty đã thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức; Ban hành một số các Quy chế, quy trình phục vụ cho công tác quản lý và điều hành Công ty; đưa ứng dụng công nghệ vào công tác quản trị, vận hành.

b) Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

DVSC hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường nhằm góp phần bảo vệ Trái đất – ngôi nhà chung của chúng ta. DVSC thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm lượng khí thải carbon, phát thải khí nhà kính bằng cách lan tỏa tinh thần hành động vì môi trường tới toàn bộ cán bộ nhân viên của DVSC thông qua việc thực hành tiết kiệm tài nguyên trong văn phòng, trang trí cây xanh trong văn phòng làm việc ...

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

DVSC chủ động tham gia vào các hoạt động phát động phong trào của địa phương tại địa bàn hoạt động.

d) Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong năm 2024, Công ty đã đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch và đưa vào vận hành chính thức.

7.3 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 Công ty tập trung phát triển mạnh ba hoạt động kinh doanh chính, cụ thể:

- Dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán: Xây dựng đội ngũ chuyên gia chứng khoán chất lượng, chuyên nghiệp; gia tăng các chỉ số về thị phần, số lượng/tài sản khách hàng.
- Dịch vụ tài chính chứng khoán: Gia tăng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ để đạt hiệu quả sử dụng vốn tối ưu, thiết kế các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt.
- Dịch vụ ngân hàng đầu tư (bao gồm tư vấn doanh nghiệp & tự doanh chứng khoán): Cung cấp đa dạng dịch vụ tư vấn doanh nghiệp; Xây dựng đội ngũ tư vấn doanh nghiệp có chất lượng chuyên sâu, chuyên nghiệp và giàu kinh

nghiệm; Đầu tư chứng khoán (hoạt động tự doanh) trên nền tảng tư vấn doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty tập trung hoàn thiện công tác về quản trị nội bộ, xây dựng hệ thống, thương hiệu và đào tạo nhân lực cụ thể:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác kiểm soát tuân thủ, quản trị rủi ro nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn nguồn vốn hoạt động của Công ty.
- Đảm bảo an toàn hệ thống, CNTT để sẵn sàng kết nối giao dịch đến hệ thống CNTT KRX.
- Tiếp tục đầu tư vào hạ tầng, CNTT để nhằm đảm bảo an toàn an ninh mạng và nâng cao trải nghiệm Khách hàng tại DVSC.
- Thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu DVSC trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom).
- Nghiên cứu & phát triển (R&D) công nghệ AI cho chứng khoán giúp hoạt động kinh doanh hiệu quả và quản trị rủi ro an toàn
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông & thương hiệu bảo đảm thông tin minh bạch, nhất quán từ trong nội bộ cho đến bên ngoài, nâng cao hình ảnh công ty, hỗ trợ hoạt động kinh doanh.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty .

VIII. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

8.1 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024 là năm bản lề đánh dấu sự đổi mới và phát triển của DVSC. Trong năm 2024, DVSC tập trung kiện toàn bộ máy tổ chức, thay đổi về công tác quản trị và đổi mới hạ tầng và công nghệ thông tin. Hệ thống phần mềm giao dịch được nâng cấp, chính thức đưa vào vận hành từ cuối năm 2024.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cho Công ty, hoàn thành vượt kế hoạch về lợi nhuận, giảm lỗ lũy kế. Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty luôn cao hơn so với quy định.

8.2 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2024. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban điều hành thường xuyên trao đổi với HĐQT về chiến lược và phương hướng hoạt động của Công ty. Trong năm 2024 có những điểm chưa thuận lợi để hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng đột phá nhưng dưới sự định hướng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã có sự quyết liệt thay đổi về tư duy và chiến lược đầu tư, thúc đẩy hoạt động Đầu tư và Nguồn vốn phát triển, trở thành một trong những hoạt động mũi nhọn, đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận chính của Công ty.

Bên cạnh đó, Ban điều hành đã đưa ứng dụng công nghệ vào công tác quản trị và vận hành doanh nghiệp. Hệ thống phần mềm quản lý văn bản đã chính thức được áp dụng trong năm 2024. Tiếp theo là hệ thống phần mềm quản lý nhân sự và chi phí đang tiếp tục triển khai và áp dụng trong năm sau.

Về công tác giám sát chỉ đạo đối với Ban điều hành: Trong năm 2024, HĐQT đã giám sát thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh (đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua) của Ban điều hành thông qua các chế độ báo cáo và giải trình trực tiếp.

Giám sát các hoạt động điều hành của Ban điều hành nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ nghiêm ngặt các chế độ, quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của DVSC;

Xem xét phê duyệt các báo cáo, tờ trình của Ban điều hành; giám sát công tác triển khai thực hiện;

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM; Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8.3 PHỐI HỢP CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VỚI KIỂM SOÁT

- HĐQT và BKS có sự đồng thuận cao về các vấn đề quản trị. HĐQT thường xuyên xin ý kiến Ban kiểm soát về các vấn đề liên quan đến việc tuân thủ theo quy định của Luật, trung cầu ý kiến tiếp thu giải quyết tốt các yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Tham gia, đóng góp ý kiến trong việc ban hành các quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro;
- Năm 2024, các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

8.4 ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Năm 2025, Công ty định hướng phát triển mạnh ba mảng kinh doanh cốt lõi: Môi giới & tư vấn đầu tư chứng khoán, Dịch vụ tài chính và Dịch vụ ngân hàng đầu tư, với đội ngũ chuyên gia chất lượng và hệ sinh thái khách hàng chiến lược. Đồng thời, Công ty tập trung hoàn thiện quản trị nội bộ, xây dựng hệ thống công nghệ số và AI, củng cố thương hiệu, đào tạo nhân sự và chuẩn bị niêm yết cổ phiếu, nhằm tạo nền tảng tăng trưởng bền vững và nâng cao vị thế trên thị trường.

IX. QUẢN TRỊ CÔNG TY

9.1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2024, Hội đồng quản trị có sự thay đổi về số lượng thành viên. Ngày 27/3/2024, Bà Nguyễn Thị Thùy Dương nộp đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị. Ngày 19/4/2025 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của DVSC đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Nguyễn Thị Thùy Dương theo đơn từ nhiệm và thông qua việc sửa đổi Điều lệ, trong đó có nội dung sửa đổi về số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Theo đó, số lượng thành viên Hội đồng quản trị của DVSC là 03 người: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 01 thành viên HĐQT.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức tổng cộng 17 (mười bảy) cuộc họp. Trong đó có 04 (bốn) cuộc họp trực tiếp/trực tuyến và 13 (mười bốn) phiên họp lấy ý kiến bằng văn bản. Chi tiết về tỷ lệ tham dự và biểu quyết qua phiếu như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Họp trực tuyến		Số buổi vắng mặt/ Ủy quyền	Họp qua phiếu		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
			Số buổi tham dự	Tỷ lệ		Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ	Phiếu không ý kiến	
1	Nguyễn Thị Thanh Loan	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	0	13/13	100%	0	27/06/2022
2	Lê Thị Bích Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	0	7/13	54%	6	29/06/2020
3	Nguyễn Thị Mùi	Thành viên	4/4	100%	0	13/13	100%	4	27/06/2022
4	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	0/1	100%	0	3/5	75%	2	27/04/2023 19/04/2024

HĐQT hoạt động bằng cách ban hành nghị quyết và chỉ đạo Ban lãnh đạo thực hiện Nghị quyết, chính sách quản trị của công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

Thông tin nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT

TT	Thông tin về TV HĐQT	Thông tin về tỷ lệ nắm giữ (31/12/2024)	
	Họ và tên (cá nhân)/Tên công ty (pháp nhân)	Số lượng cổ phần/phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
1	Nguyễn Thị Thanh Loan	0	0,00%
2	Lê Thị Bích Thủy	1.947.500	7,79%
3	Nguyễn Thị Mùi	1.359.000	5,44%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

9.2 BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát của DVSC gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 02 thành viên. Ngày 22/9/2023, Ông Bùi Tiến Thảo nộp đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát và ngày 19/4/2024 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua việc miễn nhiệm Ông Bùi Tiến Thảo và bầu Bà Bạch Hải Anh giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp bằng hình thức trực tuyến/trực tiếp

STT	Thành viên BKS	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Ngọc Quang	0%	2/2	100%	100%
2	Nguyễn Bảo Ngọc	0%	2/2	100%	100%
3	Bùi Tiến Thảo (miễn nhiệm ngày 19/4/2024)	0%	1/1	100%	100%
4	Bạch Hải Anh (bổ nhiệm ngày 19/4/2024)	0%	1/1	100%	100%

9.3 TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm 2024	Năm 2023
Thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên		
Hội đồng Quản trị	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	120,000,000	120,000,000
Bà Lê Thị Bích Thủy	108,000,000	108,000,000
Bà Nguyễn Thị Mùi	96,000,000	96,000,000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương (miễn nhiệm ngày 19/04/2024)	29,091,000	64,000,000
Ông Nguyễn Duy Tân	-	32,000,000
TỔNG	353,091,000	420,000,000
Thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên		
Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Ngọc Quang	97,700,000	84,000,000
Ông Bùi Tiến Thảo (miễn nhiệm ngày 19/04/2024)	32,727,000	71,135,000
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	84,000,000	84,000,000
Bà Bạch Hải Anh (bổ nhiệm ngày 19/04/2024)	58,545,000	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	-	36,000,000
TỔNG	272,972,000	275,135,000

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác		
Bà Nguyễn Thị Hà- Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/12/2024)	917,970,000	-
Ông Diệp Trí Minh - Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/09/2024)	961,781,000	1,227,328,000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/05/2024)	449,777,000	513,090,000
Ông Nguyễn Thế Cẩm Hoàn - Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/01/2024)	4,188,000	967,365,000
Bà Đỗ Thị Mỹ Linh- Kế toán trưởng	460,859,000	479,966,650
TỔNG	2,794,575,000	3,187,749,650

- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã ban hành các quy chế nội bộ theo quy định pháp luật bao gồm: Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát... Công ty luôn thực hiện nghiêm túc và tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty.

X BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Được trình bày tại Trang 27 Báo cáo thường niên này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THỊ THANH LOAN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-47
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-47

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 06 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 76/GPDC-UBCK ngày 27 tháng 09 năm 2023 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Bích Thủy	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Đức Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/03/2025
Bà Nguyễn Thị Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/12/2024
		Miễn nhiệm ngày 10/03/2025
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/09/2024
Bà Nguyễn Thị Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/01/2024
		Miễn nhiệm ngày 30/08/2024
		Tái Bổ nhiệm ngày 10/03/2025
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/05/2024
Ông Nguyễn Thế Cẩm Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/01/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Quang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06/06/2024
Ông Bùi Tiến Thảo	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 19/04/2024
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	Thành viên	
Bà Bạch Hải Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Hồ Đức Toàn - Tổng Giám đốc, được bà Nguyễn Thị Thanh Loan ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Văn bản Ủy quyền số 03/2025/UQ-HĐQT ngày 19/03/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hồ Đức Toàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2023.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt là Công ty đại chúng. Công ty đang thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và thủ tục đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo quy định tại Điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 do Quốc hội ban hành về quyền và nghĩa vụ của Công ty đại chúng và đang được các cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Ngọc Lân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Bùi Thị Loan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4927-2022-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		183.628.960.523	220.342.644.935
110	I. Tài sản tài chính		183.425.046.283	219.990.984.658
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	39.068.174.892	72.655.152.363
111.1	1.1 Tiền		5.068.174.892	13.155.152.363
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		34.000.000.000	59.500.000.000
112	3. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	79.273.200.000	55.150.200.001
113	4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	51.350.996.900	86.400.000.000
114	5. Các khoản cho vay	5	1.443.555.367	1.620.537.303
117	6. Các khoản phải thu	6	11.168.638.159	3.082.529.713
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		9.072.960.000	-
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.095.678.159	3.082.529.713
117.4	6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.095.678.159	3.082.529.713
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	2.540.449	3.819.206
122	8. Các khoản phải thu khác	6	86.729.431.903	90.363.804.034
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(85.611.491.387)	(89.285.057.962)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		203.914.240	351.660.277
131	1. Tạm ứng		44.492.373	23.843.603
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	159.421.867	327.816.674
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		65.540.845.311	15.767.043.202
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		54.003.176.220	7.719.394.675
212	1. Các khoản đầu tư		54.290.900.000	8.000.000.000
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	46.290.900.000	-
212.4	1.2 Đầu tư dài hạn khác	9	8.000.000.000	8.000.000.000
213	1.3 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(287.723.780)	(280.605.325)
220	II. Tài sản cố định		3.949.148.890	177.471.987
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	949.148.890	177.471.987
222	- Nguyên giá		15.504.047.225	14.449.840.225
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.554.898.335)	(14.272.368.238)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.000.000.000	-
228	- Nguyên giá		18.986.880.046	15.986.880.046
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.986.880.046)	(15.986.880.046)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	299.871.000
250	V. Tài sản dài hạn khác		7.588.520.201	7.570.305.540
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		644.547.030	763.817.980
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	372.323.906	374.099.806
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	6.571.649.265	6.432.387.754
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		249.169.805.834	236.109.688.137

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.590.004.197	1.358.149.170
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		3.590.004.197	1.358.149.170
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		21.455.184	30.374.908
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.108.400.000	8.400.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	196.835.525	355.049.835
323	4. Phải trả người lao động		753.249.000	543.319.000
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		33.204.000	39.317.000
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	179.541.223	84.869.162
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	296.130.000	295.630.000
331	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.189.265	1.189.265
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		245.579.801.637	234.751.538.967
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	245.579.801.637	234.751.538.967
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		250.000.000.000	250.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		250.000.000.000	250.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		250.000.000.000	250.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.237.404.755	4.237.404.755
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.562.404.755	3.562.404.755
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		(12.220.007.873)	(23.048.270.543)
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(2.703.696.154)	(5.118.375.144)
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(9.516.311.719)	(17.929.895.399)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		249.169.805.834	236.109.688.137

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	18	723.225.264	-
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		25.000.000	25.000.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	19	27.980.750.000	25.880.750.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	20	2.000.000.000	2.000.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	169.508.530.000	233.204.020.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		166.871.950.000	231.359.690.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		728.500.000	748.500.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		2.550.000	2.550.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.905.530.000	1.093.280.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	6.012.560.000	6.012.560.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		6.012.560.000	6.012.560.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23	914.020.000	798.170.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
026	9. Tiền gửi của khách hàng	24	16.573.714.089	19.533.589.727
027	9.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		15.814.491.589	18.241.035.307
028	9.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		759.222.500	1.292.554.420
031	12. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	16.573.714.089	19.533.589.727
031.1	12.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		16.573.442.084	19.533.317.910
031.2	12.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		272.005	271.817



Lê Thị Kim Hạnh
Người lập



Đỗ Thị Mỹ Linh
Kế toán trưởng



Hồ Đức Toàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	30.128.850.288	43.323.191.609
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	7.749.967.797	10.674.754.934
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	18.117.866.244	26.022.122.478
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	4.261.016.247	6.626.314.197
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.251.679.754	8.043.540.655
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	268.966.176	299.569.146
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.121.817.052	1.321.453.241
09	1.5	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	118.666.555	56.920.403
20	Cộng doanh thu hoạt động		38.889.979.825	53.044.675.054
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	10.917.379.042	27.511.476.561
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	1.220.214.933	581.812.782
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	9.697.164.109	26.929.663.779
26	2.2	Chi phí hoạt động tự doanh	824.427.264	1.772.908.452
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.099.590.413	4.293.313.976
30	2.4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	102.287.015	100.097.696
31	2.5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	534.615.469	233.793.000
40	Cộng chi phí hoạt động		17.478.299.203	33.911.589.685
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		28		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	67.383.872	77.550.728
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		67.383.872	77.550.728

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Đã điều chỉnh) VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	29		
54	4.1 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.118.455	280.605.325
60	Cộng chi phí tài chính		7.118.455	280.605.325
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	10.536.408.854	11.572.212.432
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		10.935.537.185	7.357.818.340
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	31	372.778.735	302.797.600
72	8.2 Chi phí khác	32	480.053.250	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(107.274.515)	302.797.600
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		10.828.262.670	7.660.615.940
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		2.414.678.990	8.848.762.566
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		8.413.583.680	(1.188.146.626)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		10.828.262.670	7.660.615.940
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	433	306

Lê Thị Kim Hạnh
Người lập

Đỗ Thị Mỹ Linh
Kế toán trưởng

Hồ Đức Toàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(213.369.116.900)	(231.274.022.700)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		183.881.715.000	283.841.343.750
04	3. Cổ tức đã nhận		2.923.550.000	4.869.756.500
05	4. Tiền lãi đã thu		9.875.854.557	8.855.415.739
07	5. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(273.634.754)	(314.094.693)
08	6. Tiền chi trả cho người lao động		(8.940.973.279)	(7.677.236.883)
09	7. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(855.418.312)	(581.761.792)
11	8. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.776.449.398	6.716.298.532
12	9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.951.067.181)	(13.448.293.939)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(31.932.641.471)	50.987.404.514
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(1.654.336.000)	(345.521.000)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.654.336.000)	(345.521.000)
50	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(33.586.977.471)	50.641.883.514
60	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		72.655.152.363	22.013.268.849
61	Tiền		13.155.152.363	12.013.268.849
62	Các khoản tương đương tiền		59.500.000.000	10.000.000.000
70	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		39.068.174.892	72.655.152.363
71	Tiền		5.068.174.892	13.155.152.363
72	Các khoản tương đương tiền		34.000.000.000	59.500.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		322.478.717.820	359.651.316.340
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(302.904.586.180)	(343.757.323.950)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(22.415.340.723)	(15.553.028.678)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(118.666.555)	(56.920.403)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		6.127.830.397	5.546.019.638
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(6.127.830.397)	(5.546.019.638)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(2.959.875.638)	284.043.309
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		19.533.589.727	19.249.546.418
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		19.533.589.727	19.249.546.418
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		18.241.035.307	18.375.414.418
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.292.554.420	874.132.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	24	16.573.714.089	19.533.589.727
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		16.573.714.089	19.533.589.727
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		15.814.491.589	18.241.035.307
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		759.222.500	1.292.554.420



Lê Thị Kim Hạnh
Người lập



Đỗ Thị Mỹ Linh
Kế toán trưởng



Hồ Đức Toàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2024

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2023		Năm 2023		Năm 2024		31/12/2023	
		VND	(Đã điều chỉnh)	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	(Đã điều chỉnh)	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu									
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.237.404.755	4.237.404.755	-	-	-	-	4.237.404.755	4.237.404.755
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.562.404.755	3.562.404.755	-	-	-	-	3.562.404.755	3.562.404.755
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(30.588.886.483)	(23.048.270.543)	81.206.375.952	73.665.760.012	29.198.812.462	18.370.549.792	(23.048.270.543)	(12.220.007.873)
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(13.967.137.710)	(5.118.375.144)	12.055.458.670	3.206.696.104	8.019.652.462	5.604.973.472	(5.118.375.144)	(2.703.696.154)
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(16.621.748.773)	(17.929.895.399)	69.150.917.282	70.459.063.908	21.179.160.000	12.765.576.320	(17.929.895.399)	(9.516.311.719)
TỔNG CỘNG		227.210.923.027	234.751.538.967	81.206.375.952	73.665.760.012	29.198.812.462	18.370.549.792	234.751.538.967	245.579.801.637



Lê Thị Kim Hạnh

Người lập

Đỗ Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 06 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 76/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 09 năm 2023 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 250.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 250.000.000.000 VND; tương đương 25.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 32 người).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Văn phòng đại diện	Tòa nhà Hồng Hà Center - số 25 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng). Khi bán các tài sản tài chính FVTPL, Công ty thực hiện ghi giảm lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với tài sản tài chính đã được bán.



Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	08 năm
- Phần mềm giao dịch	03 - 10 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 36 tháng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD).

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ sau khi được Đại hội đồng Cổ đông của công ty thông qua trong kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông năm 2025.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.16 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.17 . Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

2.18 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	2.362.909	189.141.795.000
- Cổ phiếu	900.000	40.074.895.000
- Trái phiếu	1.462.909	149.066.900.000
Của nhà đầu tư	47.741.356	625.276.012.020
- Cổ phiếu	47.741.356	625.276.012.020
	50.104.265	814.417.807.020

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	4.306.510	18.113.979
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	5.057.361.295	13.131.653.995
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	6.507.087	5.384.389
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	59.500.000.000
	39.068.174.892	72.655.152.363

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	50.810.733.806	61.886.200.000	35.108.435.942	40.342.800.001
Cổ phiếu chưa niêm yết	37.691.054.133	17.387.000.000	37.691.054.133	14.807.400.000
	88.501.787.939	79.273.200.000	72.799.490.075	55.150.200.001

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	51.350.996.900	86.400.000.000
Dài hạn		
Trái phiếu (2)	46.290.900.000	-
	97.641.896.900	86.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Tại 31/12/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) bao gồm:
 - (1) Tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt có kỳ hạn 364 ngày.
 - (2) Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có kỳ hạn 07 năm.

c) Các khoản cho vay

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hoạt động margin (*)	1.398.847.457	1.074.580.691
Hoạt động ứng trước tiền bán	44.707.910	545.956.612
	1.443.555.367	1.620.537.303

(*) Trong đó, số tiền cho vay margin không thể thu hồi, không có tài sản đảm bảo và đã trích lập dự phòng là 309.165.400 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

d) - Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	88.501.787.939	72.799.490.075	79.273.200.000	55.150.200.001	13.374.487.573	7.675.487.573	(22.603.075.512)	(25.324.777.647)	79.273.200.000	55.150.200.001
Cổ phiếu niêm yết	50.810.733.806	35.108.435.942	61.886.200.000	40.342.800.000	13.374.487.573	7.675.487.573	(2.299.021.379)	(2.441.123.514)	61.886.200.000	40.342.800.000
- Sàn Hồ Chí Minh	50.810.733.806	35.108.435.942	61.886.200.000	40.342.800.000	13.374.487.573	7.675.487.573	(2.299.021.379)	(2.441.123.514)	61.886.200.000	40.342.800.000
CHP	8.836.579.982	8.836.579.982	16.850.000.000	12.650.000.000	8.013.420.018	3.813.420.018	-	-	16.850.000.000	12.650.000.000
HPG	3.995.833.333	2.645.833.333	4.264.000.000	2.795.000.000	268.166.667	149.166.667	-	-	4.264.000.000	2.795.000.000
NVL	-	1.800.000.000	-	-	-	-	-	(95.000.000)	-	1.705.000.000
SHB	-	1.105.932.203	-	-	-	-	-	(25.982.203)	-	1.080.000.000
SHP	8.747.099.112	8.747.099.112	13.840.000.000	12.460.000.000	5.092.900.888	3.712.900.888	-	-	13.840.000.000	12.460.000.000
VTM	9.627.500.000	-	-	-	-	-	(27.500.000)	-	9.600.000.000	-
VTC	-	2.038.249.933	-	-	-	-	-	(700.249.933)	-	1.338.000.000
PNM	9.934.741.379	9.934.741.379	7.798.200.000	8.314.800.001	-	-	(2.136.541.379)	(1.619.941.378)	7.798.200.000	8.314.800.001
Gas	9.668.980.000	-	9.534.000.000	-	-	-	(134.980.000)	-	9.534.000.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	37.691.054.133	37.691.054.133	17.387.000.000	14.807.400.000	-	-	(20.304.054.133)	(22.883.654.133)	17.387.000.000	14.807.400.000
- DND	25.236.620.000	25.236.620.000	17.161.500.000	14.536.800.000	-	-	(8.075.120.000)	(10.699.820.000)	17.161.500.000	14.536.800.000
- JOS ⁽¹⁾	12.450.000.000	12.450.000.000	225.500.000	270.600.000	-	-	(12.224.500.000)	(12.179.400.000)	225.500.000	270.600.000
- FSP ⁽²⁾	4.434.133	4.434.133	-	-	-	-	(4.434.133)	(4.434.133)	-	-
	88.501.787.939	72.799.490.075	79.273.200.000	55.150.200.001	13.374.487.573	7.675.487.573	(22.603.075.512)	(25.324.777.647)	79.273.200.000	55.150.200.001

Ghi chú:

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2024. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2024. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngưng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các chứng khoán của các công ty đang giao dịch trên thị trường phi tập trung OTC, giá trị thị trường của cổ phiếu được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

(1) Cổ phiếu hạn chế giao dịch từ ngày 26/07/2017.

(2) Cổ phiếu hủy đăng ký giao dịch từ ngày 17/11/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	9.072.960.000	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.095.678.159	3.082.529.713
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.540.449	3.819.206
- Phải thu về hoạt động môi giới chứng khoán	2.540.449	3.819.206
Phải thu khác	86.729.431.903	90.363.804.034
- Phải thu cho vay Nhà đầu tư (*)	86.219.395.903	89.853.768.034
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính (*)	185.736.000	185.736.000
- Phải thu công đoàn Công ty	324.300.000	324.300.000
	97.900.610.511	93.450.152.953

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

- Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Xây dựng Việt Nam	-	24.109.589
	-	24.109.589

(*) Phải thu cho vay và cung cấp dịch vụ tư vấn cho Nhà đầu tư đã quá hạn trên 03 năm. Các khoản phải thu này đang được Công ty xem xét chuẩn bị hồ sơ xử lý công nợ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/2016/NQ-HĐQT ngày 26/08/2016.

Ngày 19/04/2024, Công ty ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT về việc thông qua Phương án xử lý nợ của khách hàng Bùi Văn Tuyền, cụ thể:

+ Dự nợ của khách hàng là 3.616.126.320 VND;

+ Giá trị nợ đồng ý giảm là 723.225.264 VND;

+ Số tiền khách hàng còn phải thanh toán là 2.892.901.056 VND.

Ngày 23/04/2024, ông Bùi Văn Tuyền đã hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho Công ty.

Công ty đã thực hiện dự phòng các khoản phải thu này sau khi trừ đi giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo của Nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị dự phòng khoản phải thu khó đòi của Nhà đầu tư tại thời điểm cuối năm là 85.302.325.987 VND.

7 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tại ngày 01/01	89.285.057.962	89.285.057.962
Trích lập/hoàn nhập và xử lý nợ bằng nguồn dự phòng	(3.673.566.575)	-
Tại ngày 31/12	85.611.491.387	89.285.057.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.904.583	-
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	127.048.284	267.820.504
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.469.000	59.996.170
	159.421.867	327.816.674

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	154.671.870	240.088.668
Chi phí trả trước dài hạn khác	217.652.036	134.011.138
	372.323.906	374.099.806

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	8.000.000.000	(287.723.780)	8.000.000.000	(280.605.325)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	8.000.000.000	(287.723.780)	8.000.000.000	(280.605.325)
	<u>8.000.000.000</u>	<u>(287.723.780)</u>	<u>8.000.000.000</u>	<u>(280.605.325)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tại thời điểm 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn được Công ty xác định trên cơ sở thông tin tài chính trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch.

Đầu tư dài hạn khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	Đường số 07, Khu đô thị Đồng Sài Gòn, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0,30%	0,30%	Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	14.061.005.507	388.834.718	14.449.840.225
Mua trong năm	1.054.207.000	-	1.054.207.000
Tại ngày 31/12/2024	15.115.212.507	388.834.718	15.504.047.225
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	13.931.689.840	340.678.398	14.272.368.238
Khấu hao trong năm	261.953.979	20.576.118	282.530.097
Tại ngày 31/12/2024	14.193.643.819	361.254.516	14.554.898.335
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	129.315.667	48.156.320	177.471.987
Tại ngày 31/12/2024	921.568.688	27.580.202	949.148.890

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.074.520.225 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	544.697.432	15.442.182.614	15.986.880.046
Mua trong năm	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Tại ngày 31/12/2024	544.697.432	18.442.182.614	18.986.880.046
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	544.697.432	15.442.182.614	15.986.880.046
Tại ngày 31/12/2024	544.697.432	15.442.182.614	15.986.880.046
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	3.000.000.000	3.000.000.000

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.986.880.046 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.251.362.626	4.181.063.731
Tiền lãi phân bổ	2.200.286.639	2.131.324.023
Số dư cuối năm	6.571.649.265	6.432.387.754

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	2.100.000.000	-
Phải trả các đối tượng khác	8.400.000	8.400.000
	2.108.400.000	8.400.000

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	196.835.525	355.049.835
	196.835.525	355.049.835

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí quản lý Công ty đại chúng chưa niêm yết	20.000.000	20.000.000
Chi phí khác	159.541.223	64.869.162
	179.541.223	84.869.162

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGÁN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông (*)	295.630.000	295.630.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	500.000	-
	296.130.000	295.630.000

(*) Phải trả cổ tức cho các cổ đông nhỏ lẻ phát sinh trong giai đoạn các năm từ 2007 đến 2008.

17 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024
	(%)	VND	(%)	VND
Bà Trần Thị Bích Thủy	34,39	85.971.510.000	34,39	85.971.510.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam	10,05	25.130.000.000	10,05	25.130.000.000
Bà Lê Thị Bích Thủy	7,79	19.475.000.000	7,79	19.475.000.000
Tổng Công ty Rượu Bia Nước giải khát Sài Gòn	7,20	18.000.000.000	7,20	18.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Mùi	5,44	13.590.000.000	5,44	13.590.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD	4,90	12.250.000.000	7,20	18.000.000.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	30,23	75.583.490.000	27,93	69.833.490.000
	100,00	250.000.000.000	100,00	250.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(2.703.696.154)	(5.118.375.144)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(9.516.311.719)	(17.929.895.399)
	(12.220.007.873)	(23.048.270.543)

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(5.118.375.144)	(13.967.137.710)
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(9.516.311.719)	(17.929.895.399)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	2.414.678.990	8.848.762.566
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(2.703.696.154)	(5.118.375.144)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	(2.703.696.154)	(5.118.375.144)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	250.000.000.000	250.000.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2024	01/01/2024
Ông Bùi Văn Tuynh	723.225.264	-

b) Tài sản thuê ngoài

Tên Tài sản thuê ngoài	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê	Ghi chú
Tầng 6-7 Tòa nhà Pax Sky, 144 -146 -148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	122m2	Đến hết ngày 20/06/2025	Làm trụ sở văn phòng	Đơn giá thuê được ghi nhận theo hợp đồng
Tầng M Tòa nhà Hồng Hà Center - số 25 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	183,2m2	03 năm	Làm văn phòng đại diện	Đơn giá thuê được ghi nhận theo hợp đồng

19 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	25.725.000.000	23.625.000.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.255.000.000	2.255.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	750.000	750.000
	27.980.750.000	25.880.750.000

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	166.871.950.000	231.359.690.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	728.500.000	748.500.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.550.000	2.550.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.905.530.000	1.093.280.000
	169.508.530.000	233.204.020.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	6.012.560.000	6.012.560.000
	6.012.560.000	6.012.560.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	914.020.000	798.170.000
	914.020.000	798.170.000

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	15.814.491.589	18.241.035.307
1. Nhà đầu tư trong nước	15.814.219.584	18.240.763.490
2. Nhà đầu tư nước ngoài	272.005	271.817
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	759.222.500	1.292.554.420
	16.573.714.089	19.533.589.727

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	15.814.491.589	18.241.035.307
1.1 Nhà đầu tư trong nước	15.814.219.584	18.240.763.490
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	272.005	271.817
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	759.222.500	1.292.554.420
2.1 Nhà đầu tư trong nước	759.222.500	1.292.554.420
	16.573.714.089	19.533.589.727

26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	1.398.847.457	1.074.580.691
1.1 Phải trả gốc margin	1.398.847.457	1.074.580.691
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.398.847.457</i>	<i>1.074.580.691</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	44.707.910	545.956.612
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	44.707.910	545.956.612
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>44.707.910</i>	<i>545.956.612</i>
	1.443.555.367	1.620.537.303

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Báo cáo tài chính

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

27 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
				VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		15.451.175.000	8.921.422.136	7.749.967.797	1.220.214.933	10.674.754.934	581.812.782
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	230.000	3.788.035.000	4.944.182.136	64.067.797	1.220.214.933	10.558.088.267	218.840.365
- Sàn Upcom	120.000	11.663.140.000	3.977.240.000	7.685.900.000	-	116.666.667	362.972.417
		15.451.175.000	8.921.422.136	7.749.967.797	1.220.214.933	10.674.754.934	581.812.782

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) . Chính lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kê toán VNĐ	Giá trị thời trường/ Giá trị hợp lý VNĐ	Chính lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024		Chính lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2024		Chính lệch điều chỉnh số kê toán	
			Đánh giá tăng VNĐ	Đánh giá giảm VNĐ	Đánh giá tăng VNĐ	Đánh giá giảm VNĐ	Đánh giá tăng VNĐ	Đánh giá giảm VNĐ
FVTPL	88.501.787.939	79.273.200.000	13.374.487.573	(22.603.075.512)	(25.324.777.647)	(2.441.123.514)	18.117.866.244	9.697.164.109
Cổ phiếu niêm yết	50.810.733.806	61.886.200.000	13.374.487.573	(2.290.021.379)	-	-	10.674.166.244	4.833.064.109
- Sàn Hồ Chí Minh								
CHP	8.836.579.982	16.850.000.000	8.013.420.018	-	-	-	5.525.000.000	1.325.000.000
HPG	3.995.833.333	4.264.000.000	268.166.667	-	-	-	785.000.000	666.000.000
NVL	-	-	-	-	(95.000.000)	(95.000.000)	(297.500.000)	(392.500.000)
SHB	-	-	-	-	(25.932.203)	(25.932.203)	25.932.202	-
STP	8.747.099.112	13.840.000.000	5.092.900.888	-	-	-	2.380.000.000	1.000.000.000
VHM	9.627.500.000	9.600.000.000	-	(27.500.000)	-	-	1.437.000.000	1.464.500.000
VIC	-	-	-	-	(700.249.933)	(700.249.933)	(890.965.958)	(1.591.215.892)
VNM	9.934.741.379	7.798.200.000	-	(2.136.541.379)	(1.619.941.378)	(1.619.941.378)	1.709.700.000	2.226.300.001
GAS	9.668.980.000	9.534.000.000	-	(134.980.000)	-	-	-	134.980.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	37.691.054.133	17.387.000.000	-	(20.304.054.133)	(22.883.654.133)	(22.883.654.133)	7.403.700.000	4.824.100.000
- Sàn Upcom								
ACV	-	-	-	-	-	-	40.000.000	40.000.000
DND	25.236.620.000	17.161.500.000	-	(8.075.120.000)	(10.699.820.000)	(10.699.820.000)	7.268.400.000	4.643.700.000
JOS	12.450.000.000	225.500.000	-	(12.224.500.000)	(12.179.400.000)	(12.179.400.000)	135.300.000	180.400.000
FSP	4.434.133	-	-	(4.434.133)	(4.434.133)	(4.434.133)	-	-
	88.501.787.939	79.273.200.000	13.374.487.573	(22.603.075.512)	(25.324.777.647)	(2.441.123.514)	18.117.866.244	9.697.164.109

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	4.261.016.247	6.626.314.197
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.251.679.754	8.043.540.655
Từ các khoản cho vay	268.966.176	299.569.146
	11.781.662.177	14.969.423.998

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi	67.383.872	77.550.728
	67.383.872	77.550.728

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.118.455	280.605.325
	7.118.455	280.605.325

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương	7.361.830.250	6.855.690.400
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	783.987.000	766.795.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	318.562.457	230.382.107
Chi phí khấu hao TSCĐ	251.290.089	114.427.444
Chi phí thuế, phí và lệ phí	108.970.343	4.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(2.950.341.311)	(321.462.204)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.866.711.674	3.830.623.959
Chi phí khác	795.398.352	91.755.726
	10.536.408.854	11.572.212.432

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi phân bổ của Quỹ Hỗ trợ thanh toán	371.760.216	302.797.600
Các khoản khác	1.018.519	-
	372.778.735	302.797.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	480.053.250	-
	480.053.250	-

Ngày 11/01/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty về các nội dung sau:

- Công ty không ban hành các quy định, thủ tục và bố trí nhân sự để duy trì hệ thống kiểm toán nội bộ: Công ty đã khắc phục bằng cách ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt và bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Phó phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- Không thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết: Ngày 07/03/2024, Công ty nộp hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom) đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đến ngày 13/03/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã gửi lại phản hồi cho Công ty về việc bổ sung hồ sơ đăng ký giao dịch, trong đó có nội dung bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang chờ văn bản hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp. Do đó, Công ty chưa hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch Upcom.

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.828.262.670	7.660.615.940
Các khoản điều chỉnh tăng	10.531.273.359	27.409.867.479
- Thu nhập HĐQT không trực tiếp điều hành	353.091.000	420.000.000
- Lỗi đánh giá các tài sản tài chính chưa thực hiện	9.697.164.109	26.929.663.779
- Các khoản bị phạt	480.053.250	-
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	965.000	60.203.700
Các khoản điều chỉnh giảm	(23.591.757.555)	(35.070.483.419)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.523.550.000)	(5.331.256.500)
- Lỗi đánh giá các tài sản tài chính chưa thực hiện	(18.117.866.244)	(26.022.122.478)
- Hoàn nhập dự phòng phải thu	(2.950.341.311)	(40.856.879)
- Chuyển lỗ các kỳ trước	-	(3.676.247.562)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.232.221.526)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến 31/12/2024	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
2018	Đã thanh tra	1.686.696.570	1.686.696.570	-
2019	Chưa thanh tra	1.375.856.776	1.375.856.776	-
2020	Chưa thanh tra	1.575.778.059	613.694.216	962.083.843
2021	Chưa thanh tra	-	-	-
2022	Chưa thanh tra	4.495.692.113	-	4.495.692.113
2023	Chưa thanh tra	-	-	-

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	10.828.262.670	7.660.615.940
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.828.262.670	7.660.615.940
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	433	306

35 . QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**Tổng quan**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Tầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2024				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	79.273.200.000	-	-	79.273.200.000
	<u>79.273.200.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>79.273.200.000</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	55.150.200.001	-	-	55.150.200.001
	<u>55.150.200.001</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>55.150.200.001</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.063.868.382	-	-	39.063.868.382
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.350.996.900	46.290.900.000	-	97.641.896.900
Các khoản cho vay	1.134.389.967	-	-	1.134.389.967
Các khoản phải thu	12.598.284.524	-	-	12.598.284.524
	<u>104.147.539.773</u>	<u>46.290.900.000</u>	<u>-</u>	<u>150.438.439.773</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.637.038.384	-	-	72.637.038.384
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.400.000.000	-	-	86.400.000.000
Các khoản cho vay	1.311.371.903	-	-	1.311.371.903
Các khoản phải thu	4.474.260.391	-	-	4.474.260.391
	<u>164.822.670.678</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>164.822.670.678</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	2.425.985.184	-	-	2.425.985.184
Chi phí phải trả	179.541.223	-	-	179.541.223
	<u>2.605.526.407</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.605.526.407</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	334.404.908	-	-	334.404.908
Chi phí phải trả	84.869.162	-	-	84.869.162
	419.274.070	-	-	419.274.070

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu kỳ chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	1.240.483.607	30.128.850.288	7.520.645.930	38.889.979.825
Chi phí hoạt động	5.201.877.428	11.741.806.306	534.615.469	17.478.299.203
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	67.383.872
Chi phí không phân bổ	-	-	-	10.543.527.309
Kết quả hoạt động	(3.961.393.821)	18.387.043.982	6.986.030.461	10.935.537.185
Tài sản bộ phận trực tiếp	6.574.189.714	88.346.160.000	54.890.230.426	149.810.580.140
Tài sản không phân bổ	-	-	-	99.359.225.694
Tổng tài sản	6.574.189.714	88.346.160.000	54.890.230.426	249.169.805.834
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	3.590.004.197
Tổng nợ phải trả	-	-	-	3.590.004.197

Theo khu vực địa lý
Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38 . THÔNG TIN KHÁC

- Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 06/2024/TTr-HĐQT ngày 28/03/2024 của Hội đồng Quản trị. Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành là 1.800.000 cổ phiếu, tổng giá trị cổ phiếu là 18.000.000.000 VND, tương đương 10.000 VND/ cổ phiếu. Thời điểm dự kiến phát hành là quý II/2024 - quý III/2024 sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện tăng vốn chủ sở hữu.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Trần Thị Bích Thủy	Cổ đông lớn
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam	Cổ đông lớn
Bà Lê Thị Bích Thủy	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Rượu Bía Nước giải khát Sài Gòn	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Mùi	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD	Cổ đông lớn (Đến ngày 15/05/2024)
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Trong kỳ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam có tổng giá trị là 75.710.000.000 VND và được tái tiếp tục theo kỳ hạn ban đầu khi đến hạn trong kỳ. Ngày 08/08/2024, Công ty đã tất toán toàn bộ các hợp đồng tiền gửi này. Tổng doanh thu hoạt động tài chính ghi nhận tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam là 663.392.224 VND.

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị		
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	120.000.000	120.000.000
Bà Lê Thị Bích Thủy	108.000.000	108.000.000
Bà Nguyễn Thị Mùi	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	29.091.000	64.000.000
Ông Nguyễn Duy Tân	-	32.000.000
	353.091.000	420.000.000
Thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Ngọc Quang	97.700.000	84.000.000
Ông Bùi Tiến Thảo	32.727.000	71.135.000
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	84.000.000	84.000.000
Bà Bạch Hải Anh	58.545.000	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	-	36.000.000
	272.972.000	275.135.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác		
Bà Nguyễn Thị Hà	917.970.000	-
Ông Diệp Tri Minh	961.781.000	1.227.328.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Dương	449.777.000	513.090.000
Ông Nguyễn Thế Cẩm Hoàn	4.188.000	967.365.000
Bà Đỗ Thị Mỹ Linh	460.859.000	479.966.650
	2.794.575.000	3.187.749.650

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Sở liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do trình bày và phân loại lại các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, doanh thu phát sinh và dòng tiền thực thu chi..... Theo đó số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
Báo cáo tình hình tài chính			
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	55.150.200.001	63.150.200.001
- Đầu tư dài hạn khác	212.4	8.000.000.000	-
- Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	(280.605.325)	-
- Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2	(17.929.895.399)	(17.649.290.074)
Báo cáo kết quả hoạt động			
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	43.323.191.609	58.688.335.704
+ b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	26.022.122.478	33.343.725.918
+ c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	6.626.314.197	14.669.854.852
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	8.043.540.655	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54	280.605.325	-
- Lợi nhuận chưa thực hiện	92	(1.188.146.626)	6.414.062.139
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	200	7.660.615.940	15.262.824.705

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆTTầng 6-7, số 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
- Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(231.274.022.700)	(35.760.120.000)
- Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	283.841.343.750	75.127.441.050
- Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	-	(101.702.320)
- Tiền lãi đã thu	05	8.855.415.739	8.698.144.160
- Tiền chi trả cho người lao động	08	(7.677.236.883)	(7.672.736.883)
- Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán	09	(581.761.792)	(1.064.706.509)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	6.716.298.532	226.870.040.559
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(13.448.293.939)	(219.964.488.350)
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.987.404.514	50.687.533.514
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(345.521.000)	(45.650.000)
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(345.521.000)	(45.650.000)
Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
- Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	359.651.316.340	1.064.198.415.493
- Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(343.757.323.950)	(1.112.160.967.722)
- Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	(15.553.028.678)	43.435.362.890
- Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	5.546.019.638	10.414.184.389
- Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(5.546.019.638)	(5.546.031.338)

Lê Thị Kim Hạnh
Người lậpĐỗ Thị Mỹ Linh
Kế toán trưởngHồ Đức Toàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

